TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 16/11/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN E – T□NH THANH H□A

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Hùng
2. Ông Bùi Trung Thành.

- Th- ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E *tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Hồng Ngoạn – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 16/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2018 về việc*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXX-ST ngày 02/10/2018 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Hồng A –** Sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị **Quách Thị B** - sinh năm 1984
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh A, vắng mặt chị B không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 12/6/2018 và bản tự khai nguyên đơn anh Lê Hồng A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị B kết hôn với nhau nhau ngày 05/11/2003, việc kết hôn là do anh và chị B tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa Bận với nhau được thời gian đến năm 2009 thì phát sinh mâu Bẫn. Nguyên nhân của mâu Bẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, chị B bỏ nhà đi không bàn bạc và không thông báo cho anh. Anh đã làm đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị B. Ngày 02/8/2017 Tòa án nhân dân huyện E đã ra quyết định sô 01/2017/QDDS – ST tuyên bố chị B mất tích. Từ ngày Tòa án

tuyên bố chị B mất tích đến nay chị B không quay trở về nhà. Nay anh xét thấy, mâu Bẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là Lê Tuấn F - Sinh ngày 20/5/2004. Khi anh và chị B ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Quách Thị B: Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị B, thông báo cho chị B ngày giờ đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng chị B không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của chị B, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa chị B cũng vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản B thập chứng cứ tại nơi cư trú – Đại diện tư pháp xã D cung cấp như sau: Anh Lê Hồng A và chị Quách Thị B vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống, đến năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu Bẫn và chị B bỏ nhà đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức, địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện E đã tuyên bố mất tích đối với chị B. Nay anh A có đơn xin ly hôn chị B, quan điểm của địa phương: Đề nghị căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Xử cho anh A và chị B được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn F cho anh A nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
- Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay anh A vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, chị B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị B đã đ- ợc triệu tập hợp lệ lần 2 nh- ng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Quách Thị B.

[2]Về hôn nhân: Anh Lê Hồng A và chị Quách Thị B kết hôn với nhau từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Anh A cho rằng Nguyên nhân mâu Bẫn của vợ chồng là do quan điểm và tính cách sống không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; đến năm 2009 đến nay chị B bỏ nhà đi khỏi địa phương, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Ngày 02/8/2017 Tòa án nhân dân huyện E đã ra quyết định sô 01/2017/QDDS – ST tuyên bố chị B mất tích. Từ ngày Tòa án tuyên bố chị B mất tích đến nay chị B không quay trở về nhà. Đối với chị B, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay chị B vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện chị B có thái độ bỏ mặc và không có thiện chí đoàn tụ cùng anh A. Nay anh A yêu cầu được ly hôn chị B.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu Bẫn không có khả năng hàn gắn đ- ợc, điều này chứng tỏ mâu Bẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Hồng A. Xử cho anh Lê Hồng A đ- ợc ly hôn với chị Quách Thị B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Anh A, chị B có 01 con chung: Cháu Lê Tuấn F – sinh ngày 20/5/2004. Tại phiên tòa, anh A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh; do chị B thường xuyên vắng mặt tại gia đình, nên việc giao con cho chị B không đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Như vậy việc giao cháu F cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Sau này chị B có nguyện vọng nuôi con thì chị sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Hồng A được ly hôn với chị Quách Thị B.

2. Về con chung: Anh A, chị B có 01 con chung: Cháu Lê Tuấn F – sinh ngày 20/5/2004. Giao cháu F cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị B có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức B, miễn, giảm, B nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lê Hồng A phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai B số AA/2015/0004079 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, anh A đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

Ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Bận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- *Các đ- ơng sự;*
- *VKS huyện E;*
- *THA huyện E;*
- *UBND xã D;*
- *TAND tỉnh Thanh hóa;*
- *L- u hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**